

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19-3-2025

“V/v ly hôn giữa chị Anh - anh Oánh”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức
- Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Thế Cần; Bà Nguyễn Thị Hương.
- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐHPT-ST ngày 03/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lan A, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn O, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị A, anh O vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Lan A trình bày: Chị và anh Ngô Văn O tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q vào ngày 18/9/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình anh O và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2014 chị trở về gia đình bố mẹ tại xã Q sinh sống, vợ

chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không hỏi han quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh O.

Về con chung: Chị A khai chị và anh O có 01 con chung là Ngô Quỳnh A1, sinh ngày 15/6/2013, con chung hiện do anh O đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A1 đề nghị để anh O được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1tháng.

Về tài sản chung: Chị A1 khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Ngô Văn O: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cần thiết cho anh O biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh O vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh O và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh O vắng mặt.

Tòa án đã xác minh:

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn N, xã Q- là mẹ đẻ anh O; Ông Đỗ Sỹ A2 – Phó bí thư chi bộ thôn N, xã Q đã cung cấp hoàn cảnh, điều kiện, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A2 và anh O. Hiện tại chị A2 và anh O đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Đối với anh O hiện đi làm ăn tự do không cố định địa chỉ nhưng thường xuyên trở về nhà. Quan điểm của bà T và ông A2 đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng cuộc hôn nhân giữa chị A2 và anh O và giải quyết cho chị A2 được ly hôn anh O vì hai bên đã sống ly thân thời gian dài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A2 được ly hôn anh O; Xử giao con chung Ngô Quỳnh A1, sinh ngày 15/6/2013 cho anh O được trực tiếp nuôi dưỡng, chị A1 nhận cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1 tháng. Chị A1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; Chị A1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn có nơi cư trú tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Hôn nhân giữa chị Phạm Thị Lan A và anh Ngô Văn O được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q vào ngày 18/9/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị A và anh O cùng sinh sống tại gia đình anh O tại xã Q và lao động tự do. Theo như chị A trình bày và qua xác minh cho thấy trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2014 mâu thuẫn càng thẳng, chị A đã trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã Q sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng đoạn tuyệt tình cảm không hỏi han và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị A làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh O quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh O biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh O vắng mặt. Qua xác minh lời khai bà Phạm Thị T là mẹ đẻ anh O; Ông Đỗ Sỹ A2 – Phó bí thư chi bộ thôn N, xã Q đều xác nhận hiện anh O đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại gia đình ở thôn N, xã Q nhưng hiện tại đi lao động tự do, thỉnh thoảng có trở về nhà. Quan điểm của bà T và ông A2 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và hòa giải để các bên trở về đoàn tụ, nếu việc hòa giải không thành thì đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh O vì hai bên đã sống ly thân thời gian dài và không còn thương yêu nhau nữa. Đối với chị A2 tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh O. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị A2 và anh O đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị A2 được ly hôn anh O là có căn cứ.

[3] *Về con chung:* Xét yêu cầu của chị A2 về nuôi dưỡng con chung cho thấy chị A2 và anh O có 01 con chung là Ngô Quỳnh A1, sinh ngày 15/6/2013, con chung hiện do anh O và gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị A1 đề nghị tiếp tục giao con chung cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng, chi nhận cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1tháng. Tại biên bản ghi lời khai con chung ngày 14/02/2025 cháu Ngô Quỳnh A1 có nguyện vọng xin được ở với bố. Hiện tại cháu đang sinh sống và ổn định học tập tại nơi cư trú. Vì vậy cần xử giao con chung cho anh O được trực tiếp nuôi dưỡng, chị A1 nhận cấp dưỡng nuôi con chung

2.000.000đồng/1 tháng là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[[4] Về tài sản chung: Chị A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị A1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị A1 và anh O có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Lan A được ly hôn anh Ngô Văn O.

2/Về con chung: Xử giao con chung Ngô Quỳnh A1, sinh ngày 15/6/2013 cho anh O được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị chị A1 nhận cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 3/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị A1 có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị A1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị A1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004993 ngày 12/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí. Đối trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí chị A1 còn phải nộp 300.000đồng tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị A1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Quỳnh Hội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

NGUYỄN MINH ĐỨC

